

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 58/2003/TTLT-
BVHTT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2003

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ Bộ luật Dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 28/10/1995;

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001;

Căn cứ Nghị định số 76/CP ngày 29/11/1996 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ luật Dân sự (dưới đây viết tắt là Nghị định số 76/CP);

Căn cứ Nghị định số 60/CP ngày 6/6/1997 của Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Dân sự về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài (dưới đây viết tắt là Nghị định số 60/CP);

Căn cứ Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra giám sát hải quan (dưới đây viết tắt là Nghị định số 101/2001/NĐ-CP.

Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Tài chính hướng dẫn bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có liên quan đến quyền tác giả như sau:

I. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Một số từ ngữ sử dụng trong Thông tư này được hiểu như sau:

- "Tác giả" là những người được quy định tại Điều 745 Bộ luật Dân sự.
- "Chủ sở hữu tác phẩm" là những cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 746 Bộ luật Dân sự.

3. "Tác phẩm được bảo hộ tại Việt Nam" gồm các loại hình tác phẩm được bảo hộ quy định tại Điều 747 Bộ luật Dân sự, Điều 4 Nghị định số 76/CP; không có nội dung như quy định tại khoản 1 Điều 749 Bộ luật Dân sự và là một trong các tác phẩm sau:

3.1. Tác phẩm của tác giả là công dân Việt Nam;

3.2. Tác phẩm thuộc sở hữu của công dân, pháp nhân, tổ chức Việt Nam

3.3. Tác phẩm của người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài được sáng tạo và thể hiện dưới hình thức vật chất nhất định tại Việt Nam;

3.4. Tác phẩm của người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài lần đầu tiên được công bố, phổ biến tại Việt Nam;

3.5. Tác phẩm của người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài được bảo hộ tại Việt Nam theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia;

Các tác phẩm được bảo hộ phải được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt hình thức, ngôn ngữ thể hiện, chất lượng tác phẩm, đã công bố hoặc chưa công bố, đã được cấp hoặc chưa được cấp Giấy chứng nhận bản quyền tác giả.

4. "Công bố, phổ biến tác phẩm" là thể hiện tác phẩm trước công chúng dưới dạng thuyết trình, trưng bày, xuất bản, biểu diễn, phát thanh, truyền hình và các hình thức vật chất khác.

5. "Tác phẩm lần đầu tiên được công bố, phổ biến tại Việt Nam" là tác phẩm của người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài chưa được công bố, phổ biến ở bất kỳ nước nào trước khi được công bố, phổ biến tại Việt Nam.

Tác phẩm được coi là tác phẩm lần đầu tiên được công bố, phổ biến tại Việt Nam khi tác phẩm đó được công bố, phổ biến ở Việt Nam trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày tác phẩm đó được công bố, phổ biến lần đầu tiên ở bất kỳ nước nào.

6. "Tạm dừng làm thủ tục hải quan" là việc cơ quan hải quan tạm thời chưa làm thủ tục hải quan đối với lô hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khi có nghi ngờ vi phạm quyền tác giả.

7. "Thông quan" là việc cơ quan hải quan quyết định hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu.

8. "Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vi phạm quyền tác giả" là những hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vi phạm quyền nhân thân, quyền tài sản của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, gồm những hàng hóa dưới đây:

8.1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là các bản sao tác phẩm mà việc sản xuất và/hoặc lưu thông các bản sao tác phẩm không được sự cho phép của chủ sở hữu tác phẩm đó.

8.2. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là các bản sao tác phẩm có nội dung vi phạm quyền tác giả.

II. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC QUYỀN YÊU CẦU VÀ PHẠM VI YÊU CẦU BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TẠI CƠ QUAN HẢI QUAN

1. Đối tượng được quyền yêu cầu bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan hải quan:

Các đối tượng sau đây được yêu cầu cơ quan hải quan bảo hộ quyền tác giả:

1.1 Tác giả, chủ sở hữu tác phẩm có tác phẩm được bảo hộ tại Việt Nam;

1.2. Cá nhân, tổ chức được cấp phép sử dụng các tác phẩm được bảo hộ tại Việt Nam;

1.3. Cá nhân, tổ chức có chức năng dịch vụ quyền tác giả được các đối tượng nêu tại điểm 1.1. và 1.2. Mục II Thông tư này ủy quyền;

1.4. Tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả có liên quan.

2. Phạm vi bảo hộ quyền tác giả của cơ quan hải quan:

Thông tư này được áp dụng đối với tất cả hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có liên quan đến quyền tác giả được bảo hộ, trừ các trường hợp sau:

2.1. Hàng hóa viện trợ nhân đạo;

2.2. Hàng hóa tạm nhập - tái xuất có thời hạn phục vụ cho công tác, sinh hoạt của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong thời gian ở Việt Nam;

2.3. Hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập có thời hạn để trưng bày, triển lãm, giới thiệu sản phẩm hoặc để giúp người tiêu dùng phân biệt, nhận biết hàng vi phạm quyền tác giả;

2.4. Hàng hóa quá cảnh;

2.5. Hàng hóa là quà biếu, quà tặng trong tiêu chuẩn được miễn thuế; Hành lý cá nhân theo quy định tại luật hải quan.

III. THỦ TỤC THỰC THI BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ TẠI CƠ QUAN HẢI QUAN

1. Nộp đơn yêu cầu bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan hải quan (dưới đây gọi tắt là "Đơn yêu cầu bảo hộ"):

Để được bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan hải quan, các đối tượng nêu tại điểm 1 mục II Thông tư này (dưới đây gọi tắt là "người yêu cầu") có thể nộp Đơn yêu cầu bảo hộ theo quy định tại điểm 1.1 hoặc 1.2 mục III Thông tư này:

1.1. Nộp đơn yêu cầu bảo hộ dài hạn: Trường hợp chưa có thông tin về một lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu cụ thể vi phạm quyền tác giả, người yêu cầu có thể nộp đơn yêu cầu bảo hộ dài hạn Đơn yêu cầu bảo hộ kèm theo các giấy tờ sau:

1.1.1. Đơn yêu cầu bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan hải quan (Theo mẫu tại phụ lục 1 kèm theo Thông tư này).

1.1.2. Giấy ủy quyền (trường hợp người nộp đơn là các đối tượng quy định tại điểm 1.3 và 1.4 Mục II Thông tư này).

1.1.3. Tài liệu chứng minh quyền yêu cầu:

1.1.3.1. Giấy chứng nhận bản quyền tác giả (nếu có). Nếu yêu cầu bảo hộ trong trường hợp không có Giấy chứng nhận quyền bản tác giả thì trong Đơn yêu cầu bảo hộ, người yêu cầu phải chứng minh và cam đoan quyền tác giả của mình đối với tác phẩm yêu cầu được bảo hộ.

1.1.3.2. Hợp đồng sử dụng tác phẩm (trường hợp người nộp đơn là các đối tượng quy định tại điểm 1.2. Mục II Thông tư này);

1.1.3.3. Giấy tờ chứng minh quyền tác giả được chuyển giao, thừa kế (trường hợp là các đối tượng được chuyển giao, thừa kế);

1.1.3.4. Các giấy tờ khác chứng minh quyền yêu cầu của mình theo pháp luật Việt Nam hoặc các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia (trường hợp tác giả, chủ sở hữu của tác phẩm quy định tại điểm 3.3., 3.4. và 3.5. Mục I Thông tư này);

1.1.4. Bản mô tả tác phẩm và mẫu hoặc ảnh chụp tác phẩm trong đó cần làm rõ các dấu hiệu để nhận biết, phân biệt giữa hàng vi phạm với hàng không vi phạm.

1.1.5. Tiền tạm ứng hoặc chứng từ bảo lãnh của tổ chức tín dụng để đảm bảo thanh toán các chi phí và thiệt hại phát sinh do việc cơ quan hải quan đã tạm dừng làm thủ tục đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo đề nghị của người yêu cầu trong trường hợp hàng tạm dừng được xác định là không vi phạm quyền tác giả. Tiền tạm ứng hoặc chứng từ bảo lãnh trong trường hợp này được quy định như sau:

1.1.5.1. Tiền tạm ứng là một khoản tiền cụ thể, tối thiểu là: 20 triệu đồng; hoặc

1.1.5.2. Chứng từ bảo lãnh cho một khoản tiền cụ thể, tối thiểu là: 50 triệu đồng; hoặc

1.1.5.3. Chứng từ bảo lãnh của tổ chức tín dụng cam kết thanh toán mọi chi phí và thiệt hại phát sinh do việc cơ quan hải quan đã tạm dừng làm thủ tục đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo đề nghị của người yêu cầu trong trường hợp hàng tạm dừng được xác định là không vi phạm quyền tác giả.

Trường hợp người yêu cầu đã nộp Đơn yêu cầu bảo hộ tại cơ quan hải quan theo hình thức quy định tại điểm 1.1 Mục III Thông tư này nhưng lại có thông tin về một lô hàng cụ thể vi phạm quyền tác giả của mình thì cũng có thể gửi Đơn yêu cầu bảo hộ theo vụ việc tới cơ quan hải quan tạm dừng làm thủ tục cho lô hàng mà mình nghi ngờ vi phạm quyền tác giả quy định tại điểm 1.2 Mục III Thông tư này. Trong trường hợp này người nộp đơn được miễn các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm 1.2.4. Mục III Thông tư này.

1.2. Nộp Đơn yêu cầu bảo hộ theo vụ việc: Trường hợp có nghi ngờ về lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu cụ thể vi phạm quyền tác giả, người yêu cầu nộp Đơn yêu cầu bảo hộ theo vụ việc để yêu cầu cơ quan hải quan thực hiện tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với một lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu cụ thể nêu trong Đơn yêu cầu bảo hộ. Đơn yêu cầu bảo hộ kèm theo các giấy tờ sau:

1.2.1. Đơn yêu cầu bảo hộ quyền tác giả tại cơ quan hải quan (theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này), trong đó nêu các thông tin về lô hàng cụ thể đang yêu cầu tạm dừng, đủ để cơ quan hải quan xác định được lô hàng đó, như: Tên, địa chỉ